

ĐA DẠNG THỰC VẬT HẠT KÍN CÓ ÍCH TẠI TỈNH KON TUM

TRẦN THẾ BÁCH, ĐỖ VĂN HÀI, BÙI HỒNG QUANG

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Hệ thực vật Kon Tum đã có nhiều xáo trộn và biến đổi theo những mức độ khác nhau từ khi thành lập vào năm 1913. Tuy nhiên, việc bảo tồn và bảo vệ rừng trong vài năm gần đây đạt hiệu quả cao, đặc biệt có một số khu vực đang dần dần phục hồi tốt. Để góp phần nâng cao hiểu biết về nguồn tài nguyên thực vật có ích của tỉnh Kon Tum, chúng tôi đã chọn đề tài “**Đa dạng thực vật hạt kín có ích tại tỉnh Kon Tum**”

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm: Nghiên cứu thực địa tại một số nơi của tỉnh Kon Tum như: Ngọc Hồi (Đắk Đức, Đắk Hring, Đắk Mar), Đắk Ha (Đắk Hring, Đắk Mar), Đắk Glei (Đắk Choong, Mường Hoong, Ngọc Linh, Đắk Man, Xốp), Sa Thầy (Sa Sơn, Ro Koi) và một số các nơi khác thuộc tỉnh Kon Tum.

2. Thời gian: Đợt 1: 29/3/2009 - 4/5/2009; Đợt 2: 22/3/2010- 23/4/2010; Đợt 3: tháng 12/2011.

3. Phương pháp: Phương pháp nghiên cứu theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007). Tập hợp các tài liệu, nhập dữ liệu, phân tích số liệu bằng chương trình Microsoft Access.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng taxon

1.1. Đa dạng lớp: Thực vật lớp Hai lá mầm (Dicotyledones) vẫn chiếm ưu thế với 976 loài trên tổng số 1168 loài, chiếm 83,6% tổng số, còn thực vật lớp Một lá mầm (Monocotyledones) có 192 loài, chiếm 16,4% tổng số.

1.2. Đa dạng họ (139 họ): 10 họ có nhiều loài là: Asteraceae (88 loài), Euphorbiaceae (87 loài), Fabaceae (83 loài), Orchidaceae (83 loài), Rubiaceae (45 loài), Fagaceae (30 loài), Caesalpiniaceae (28 loài), Poaceae (25 loài), Mimosaceae (25 loài), Verbenaceae (24 loài). Các họ còn lại có ít hơn 24 loài.

1.3. Đa dạng chi (619 chi): Có 10 chi có nhiều loài nhất là: *Dendrobium* (20 loài), *Ficus* (18 loài), *Ardisia* (13 loài), *Lithocarpus* (13 loài), *Crotalaria* (11 loài), *Croton* (9 loài) và các chi có 8 loài là *Castanopsis*, *Dioscorea*, *Quercus*, *Mallotus*.

2. Phân chia các nhóm cây có ích

Bảng 1

Các nhóm cây có ích

TT	Nhóm cây có ích	Số loài	Lớp	Họ	Chi
1.	Cây gỗ	182	1	29	111
2.	Cây thuốc	745	2	122	472
3.	Cây cảnh	159	2	32	89
4.	Cây có phần ăn được	109	2	41	79
5.	Cây làm rau	130	2	49	89
6.	Cây để nhuộm	42	2	16	27
7.	Cây làm sợi	17	2	8	13
8.	Cây cho tinh dầu	10	2	8	10
9.	Cây làm thức ăn cho động vật	52	2	13	37

Nhóm cây thuốc gồm 745 loài trên tổng số 1168 loài cây có ích, là nhóm cây có số loài lớn nhất trong các nhóm cây có ích (63,8%).

3. Các loài trong Sách Đỏ Việt Nam (2007) (62 loài)

Bảng 2

Các loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam (2007)

Họ	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân hạng
ANACARDIACEAE	1. <i>Melanorrhoea laccifera</i> Pierre	Sơn tiên	VU A1a, d+2d, B1+2a
ANNONACEAE	2. <i>Enicosanthellum plagioneurum</i> (Diels) Ban	Nhọc trái khớp	VU A1a,c,d
APOCYNACEAE	3. <i>Kibatalia laurifolia</i> (Ridl.) Woods.	Thần linh lá quế	VU B1+2,b,c
APOCYNACEAE	4. <i>Rauwolfia cambodiana</i> Pierre ex Pitard	Ba gác lá to	VU A1c
ARALIACEAE	5. <i>Panax vietnamense</i> Ha & Grushv.	Sâm ngọc linh	EN A1a,c,d, B1+2b,c,e
BALANOPHORACEAE	6. <i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl.	Nấm đất	EN B1+2b,c,e
CAESALPINIACEAE	7. <i>Afzelia xylocarpa</i> (Kurz) Craib	Gỗ đỏ	EN A1c,d
CAESALPINIACEAE	8. <i>Sindora siamensis</i> Teysm. ex Miq.	Gụ mật	EN A1a,c,d
CAESALPINIACEAE	9. <i>Sindora tonkinensis</i> A. Chev. ex K. & S. Larsen	Gụ lau	EN A1a,c,d+2d
CAMPANULACEAE	10. <i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f.	Đảng sâm	VUA1a,c,d+2c,d
CUCURBITACEAE	11. <i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	Dần toòng	EN A1a,c,d
DIPTEROCARPACEAE	12. <i>Anisoptera costata</i> Korth.	Vên vên	EN A1,b,c+2b,c
DIPTEROCARPACEAE	13. <i>Dipterocarpus dyeri</i> Pierre ex Laness.	Dầu song nạng	VU A1c,d+2c,d
DIPTEROCARPACEAE	14. <i>Dipterocarpus grandiflorus</i> Blanco	Dầu mít	VU A1c,d+2c,d
ERICACEAE	15. <i>Gaultheria fragrantissima</i> Wall.	Châu thụ thơm	VU B1+2b,c
EUPHORBIACEAE	16. <i>Thyrsanthera suborbicularis</i> Pierre ex Gagnep.	Chi hùng	VU A1c,d
FABACEAE	17. <i>Dalbergia cochinchinensis</i> Pierre	Trắc	EN A1a,c,d
FABACEAE	18. <i>Dalbergia oliveri</i> Gamble ex Prain	Cắm lái	EN A1a,c,d
FABACEAE	19. <i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz	Giáng hương	EN A1a,c,d
FAGACEAE	20. <i>Castanopsis hystrix</i> A. DC.	Cà ôi (lá) đỏ	VU A1c,d
FAGACEAE	21. <i>Castanopsis tessellata</i> Hickel & A. Camus	Cà ôi lá đa	VU A1c,d
FAGACEAE	22. <i>Lithocarpus fenestratus</i> (Roxb.) Rehd.	Dẻ cau	VU A1c,d
FAGACEAE	23. <i>Lithocarpus harmandii</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ	EN A1c,d
FAGACEAE	24. <i>Lithocarpus mucronatus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ quả nùm	VU A1c,d
FAGACEAE	25. <i>Lithocarpus truncatus</i> (King ex Hook. f.) Rehd.	Sồi đá cụt	VU A1c,d
FAGACEAE	26. <i>Quercus langbianensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi lang bian	VU A1c,d
FAGACEAE	27. <i>Quercus macrocalyx</i> Hickel & A. Camus	Sồi đầu to	VU A1c,d
FAGACEAE	28. <i>Quercus setulosa</i> Hickel & A. Camus	Sồi duối	VU A1c,d
FAGACEAE	29. <i>Trigonobalanus verticillata</i> Forman	Sồi ba cạnh	EN B1+2b,c,e

HỘI NGHỊ KHOA HỌC TOÀN QUỐC VỀ SINH THÁI VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT LẦN THỨ 4

Họ	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân hạng
LAURACEAE	30. <i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	Gù hương	VUA1c
MAGNOLIACEAE	31. <i>Paramichelia baillonii</i> (Pierre) S. Y. Hu	Giổi găng	VU A1a,c,d
MELIACEAE	32. <i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.	Gội tía	VU A1a,c,d+2d
MELIACEAE	33. <i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.	Lát hoa	VU A1a,c,d+2d
MELIACEAE	34. <i>Dysoxylum cauliflorum</i> Hiern.	Đinh hương	VU A1a,c,d+2d
MELIACEAE	35. <i>Dysoxylum loureiri</i> (Pierre) Pierre	Xé da voi	VU A1a,c,d+2d
MYRSINACEAE	36. <i>Ardisia brevicaulis</i> Diels	Cơm nguội thân ngắn	VU A1a,c,d
MYRTACEAE	37. <i>Acmena acuminatissima</i> (Blume) Merr. & Perry	Thoa	VU A1a,c,d
OPIACEAE	38. <i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau sắng	VU B1+2e
RUBIACEAE	39. <i>Canthium dicoccum</i> (Gaertn.) Teysm. & Binn.	Găng vàng hai hạt	VU A1c, B1+2c
RUBIACEAE	40. <i>Hydnophytum formicarum</i> Jack	Ồ kiến	EN A1b,d, B1+2b,e
RUBIACEAE	41. <i>Myrmecodia tuberosa</i> Jack	Kỳ nam gai	VU A1a,c,d
SAPOTACEAE	42. <i>Madhuca pasquieri</i> (Dubard) H. J. Lam	Sến mật	EN A1a,c,d
SIPHONODONTACEAE	43. <i>Siphonodon celastrineus</i> Griff.	Xưng da	VU A1c,d
STYRACACEAE	44. <i>Alniphyllum eberhardtii</i> Guillaum.	Lá dương đỏ	EN A1+2a,c,d
THYMELEACEAE	45. <i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trâm	EN A1c,d, B1+2b,c,e
VALERIANACEAE	46. <i>Valeriana hardwickii</i> Wall.	Nữ lang	VU B1+2b,c
ARECACEAE	47. <i>Calamus poilanei</i> Conrard	Song bột	EN A1c,d+2c,d
HYPOXIDACEAE	48. <i>Curculigo orchioides</i> Gaertn.	Cò nóc lan	EN A1a,c,d
LILIACEAE	49. <i>Lilium brownii</i> F. E. Br. ex Mill.	Bạch huệ núi	EN A1a,c,d
LILIACEAE	50. <i>Paris polyphylla</i> Smith	Trọng lâu nhiều lá	EN A1c,d
ORCHIDACEAE	51. <i>Anoectochilus acalcaratus</i> Aver.	Kim tuyến không cựa	EN A1d, B1+2b,c,e
ORCHIDACEAE	52. <i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Kim tuyến tơ	EN A1a,c,d
ORCHIDACEAE	53. <i>Cymbidium insigne</i> Rolfe	Hồng lan	EN A1d + B1 + 2b,c,e
ORCHIDACEAE	54. <i>Dendrobium bellatulum</i> Rolfe	Bạch hoả hoàng	VU B1+2e+3d
ORCHIDACEAE	55. <i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.	Kim điệp	EN B1+2e+3d
ORCHIDACEAE	56. <i>Dendrobium crystallinum</i> Reichb. f.	Ngọc vạn pha lê	EN B1+2e+3d
ORCHIDACEAE	57. <i>Dendrobium farmeri</i> Paxt.	Ngọc điểm	VU B1+2e+3d
ORCHIDACEAE	58. <i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Hoàng thảo (căng gà)	VU A1d
ORCHIDACEAE	59. <i>Dendrobium wattii</i> (Hook. f.) Reichb. f.	Hoạt lan	EN B1+2b,c,e
ORCHIDACEAE	60. <i>Paphiopedilum appletonianum</i> (Gower) Rolfe	Vệ hài appleton	EN B1+2b,c,e
ORCHIDACEAE	61. <i>Paphiopedilum malipoense</i> S. C. Chen & Z. H. Tsi	Hài vân nam	EN A1a,c,d+2d
TACCACEAE	62. <i>Tacca integrifolia</i> Ker-Gawl.	Ngải rơm	VU A1a,c,d

III. KẾT LUẬN

Thực vật hạt kín có ích ở tỉnh Kon Tum gồm 1168 loài thuộc 2 lớp, 139 họ, 619 chi. Nhóm cây thuốc có số loài lớn nhất trong các nhóm cây có ích gồm 745 loài, chiếm 63,8% tổng số loài cây có ích. Có 62 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, trong đó có 28 loài ở phân hạng EN, 34 loài ở phân hạng VU. Các nghiên cứu cần được tiếp tục để bổ sung dữ liệu về tài nguyên cây có ích của tỉnh Kon Tum.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KH & CN, Viện KHCNVN**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần II - Thực vật, NXB. KHTN & CN, Hà Nội.
2. **Bộ NN&PTNT**, 2000: Tên cây rừng Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007: Các phương pháp nghiên cứu thực vật, NXB. ĐHQG HN, Hà Nội.
4. **Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên)**, 1984: Danh lục thực vật Tây Nguyên, NXB. KH & KT, Hà Nội.
5. **Nguyễn Tiến Bản (Chủ biên)**, 2003, 2005: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, 3.
6. **Trần Đình Lý**, 1993: 1900 loài cây có ích ở Việt Nam, NXB. Thế giới.
7. **Trần Hợp**, 2002: Tài nguyên cây gỗ Việt Nam, NXB. Nông nghiệp.
8. **Võ Văn Chi, Trần Hợp**, 2000: Cây cỏ có ích, NXB. Giáo dục, Hà Nội.

DIVERSITY OF USEFUL FLOWERING PLANTS IN KON TUM PROVINCE

TRAN THE BACH, DO VAN HAI, BUI HONG QUANG

SUMMARY

There are 1,168 species of useful flowering plants belonging to 619 genera and 139 families in Kon Tum province. Among them, there are 182 timber species (29 families, 111 genera), 745 medicinal species (122 families, 472 genera), 159 ornamental species (32 families, 89 genera), 109 edible species (41 families, 79 genera), 130 vegetable species (49 families, 89 genera), 42 dye producing species (16 families, 27 genera), 17 fibre species (8 families, 13 genera), 10 essential oil species (8 families, 10 genera), 52 species (13 families, 37 genera) provide food for animals. According to the Vietnam Red Data Book (Part 2. Plants. 2007), there are 62 species in endangered situation (EN), 34 species in vulnerable situation (VU); the plant resources must be protected and sustainably developed.